

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST  
Ngày: 30-9-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 45/TB-TA ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Ông Ngô Văn Q – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số: 1395/QĐ-NHKL ngày 29/6/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K).

Ông Nguyễn Thanh C – Chức vụ: Cộng tác viên tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần K – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q (Theo Giấy ủy quyền số: 12/UQ-CNĐT ngày 01/4/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần K chi nhánh Đồng Tháp).

**2. Bị đơn:** Ông Trương Minh H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số X, khóm X, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số X, khóm X, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H, bà Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Ông C vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt giải quyết, xét xử.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **- Theo đơn khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày:**

Ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K theo các hợp đồng tín dụng sau đây:

Hợp đồng tín dụng số TC00372+373/HĐTD-CC ngày 19/12/2019, số tiền vay 40.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, hình thức tín dụng trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày, thời điểm kết thúc là ngày 16/6/2020. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng tài sản là xe SUZUKI RAIDER, biển kiểm soát 66N1-386.02 giấy chứng nhận đăng ký xe do Trương Minh H đứng tên.

Hợp đồng tín dụng số TC00378/HĐTD-CC ngày 17/01/2020, số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay 180 ngày, hình thức tín dụng trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày, thời điểm kết thúc là ngày 15/7/2020. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng tài sản là xe HONDA FUTURE X, biển kiểm soát 66N1-336.77 giấy chứng nhận đăng ký xe do Trương Minh H đứng tên.

Tổng cộng hai khoản vay số tiền là 60.000.000đ.

Trong quá trình vay vốn, ông H và bà Đ không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông H và bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số TC00372+373/HĐTD-CC ngày 19/12/2019 tiền gốc 30.888.889đ, tiền lãi trong hạn 1.908.199đ, phạt lãi chậm trả 194.588đ, phạt lãi quá hạn 3.364.310đ, tổng cộng là 36.355.986đ.

+ Hợp đồng tín dụng số TC00378/HĐTD-CC ngày 17/01/2020 tiền gốc 18.666.667đ, tiền lãi trong hạn 1.393.743đ, phạt lãi chậm trả 156.060đ, phạt lãi quá hạn 2.263.679đ, tổng cộng là 22.480.149đ.

Ngoài ra, yêu cầu công nhận hợp đồng cầm cố tài sản giữa ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Đ với Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút yêu cầu công nhận hợp đồng cầm cố tài sản, chỉ yêu cầu ông H, bà Đ phải có trách nhiệm trả số tiền vay vốn và lãi còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

**- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H và bà Đ cư trú tại địa bàn thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H, bà Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên xét xử vắng mặt đối với ông H, bà Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

- Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K là giấy đề nghị vay vốn trả góp có chữ ký của ông H, bà Đ, được Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận ngày 01/8/2019 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số TC00372/HĐTD-CC, TC00373/HĐTD-CC ngày 19/12/2019, TC00378 ngày 17/01/2020 có chữ ký của ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông H, bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến phản đối, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông H, bà Đ là có thật thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do hợp đồng tín dụng đã quá hạn mà đến nay ông H, bà Đ vẫn chưa trả gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng nên buộc ông H, bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Số tiền phải trả cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số TC00372/HĐTD-CC, TC00373/HĐTD-CC ngày 19/12/2019: Nợ gốc 30.888.889đ, lãi trong hạn

1.908.199đ, lãi chậm trả 176.782đ, lãi quá hạn 13.406.022đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 46.379.892đ; đồng thời ông H và bà Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

+ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số TC00378/HĐTD-CC, ngày 17/01/2020: Nợ gốc 18.666.667đ, lãi trong hạn 1.393.743đ, lãi chậm trả 156.060đ, lãi quá hạn 8.219.309đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 28.435.779đ; đồng thời ông H và bà Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

[3] Đối với hợp đồng cầm cố tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Thương mại cổ phần K có đơn rút yêu cầu, đình chỉ giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông H, bà Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc công nhận hợp đồng cầm cố đối với ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ.

3/ Buộc ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền vay gốc là 49.555.556đ, tiền lãi trong hạn 3.301.942đ, tiền lãi chậm trả 332.842đ, lãi quá hạn 21.625.331đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 74.815.671đ; đồng thời ông H và bà Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín

dụng số TC00372/HĐTD-CC, TC00373/HĐTD-CC ngày 19/12/2019, hợp đồng tín dụng số TC00378/HĐTD-CC, ngày 17/01/2020 từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

4/ Về án phí: Ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 3.740.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K được nhận lại 1.771.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BI/2019/0010293 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Duy Khang**